TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 204/2019/DS-PT
Ngày 14 - 11 - 2019
"V/v *Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng đất vô hiệu, đòi trả sản lượng cà phê"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường, bà Nguyễn Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Anh, chức vụ: Kiểm sát Viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2019/TLPT-DS về việc "*Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, đòi trả sản lượng cà phê*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 228/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Đắc L, sinh 1965; bà Nguyễn Thị L1, sinh 1973.

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

- *Bị đơn*: Bà Phan Thị Thanh P - sinh năm 1969.

Địa chỉ : Hẻm 92/68/10 T, X, TP Hồ Chí Minh *(Có mặt).*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Lê Văn C, sinh 1965. *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Tổ 7, K, TP H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Bà Trần Thị A. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

+ Lê Thị Phương L3; Lê Thị H; Lê Sơn C; Lê Đắc T; Lê Đắc T1; Lê Thị Thanh N. *(Vắng mặt)*

Cùng địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Đỗ Đình H1 và bà Trương Thị Mỹ T2. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Đắc L và bà Nguyễn Thị L1: Ông Phạm Công M - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 24/7/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Công M trình bày:

Vào năm 1991, cụ Trần Thị A là mẹ đẻ của ông L cho vợ chồng ông bà lô đất có diện tích 4.590 m^2 tại thôn X, xã P để canh tác, sử dụng. Ngày 30/12/1999 lô đất được Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 4 ; diện tích 4.590 m^2, cấp cho hộ ông Lê Đắc L.

Khoảng tháng 9/2002 (Âm lịch) do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên ông L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình thế chấp cho bà Phan Thị Thanh P (Trú tại thôn X, xã P) vay số tiền 15.000.000 đồng *(Mười lăm triệu đồng)* để tiêu xài cá nhân. Khoảng 15 ngày sau, ông L nói cho bà L1 biết việc mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp vay tiền thì ông và bà L1 đã đưa tiền đến gặp bà P chuộc nhưng bà P không đồng ý cho rằng ông L đã chuyển nhượng lô đất cho gia đình bà. Bà P canh tác, sử dụng và đóng các loại thuế cho nhà nước từ năm 2002 đến năm 2016 (từ năm 2017 đến nay ông L và bà L1 quản lý), khi bà P chiếm lô đất, ông L và bà L1 đã báo chính quyền địa phương nhưng không được giải quyết.

Ông L, bà L1 cho rằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/12/2002 giữa: bên chuyển nhượng Lê Đắc L và bên nhận chuyển nhượng Lê Văn C, Phan Thị Thanh P là giả mạo, không phải là chữ ký và chữ viết của mình nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Lê Đắc L với ông Lê Văn C và bà Phan Thị Thanh P vô hiệu, buộc bà P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.590 m^2 đất thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04 và yêu cầu bà Phan Thị Thanh P trả sản lượng cà phê bà P đã thu hoạch trên thửa đất từ năm 2002 đến năm 2016 là 14 năm, với tổng sản lượng là 45.000 kg cà phê quả tươi cho ông bà.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Phan Thị Thanh P trình bày:* Ngày 16/12/2002 giữa vợ chồng bà và vợ chồng ông L và có xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.590 m^2 tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, giá thỏa thuận là l5.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) nhưng trong hợp đồng chỉ ghi giá chuyển nhượng là 7.000.000 đ (Bảy triệu đồng) nhằm mục đích để giảm tiền thuế, vợ chồng bà đã thanh T2 đủ tiền và vợ chồng ông L đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao thửa đất trên cho ông bà canh tác. Cùng thời điểm các bên đến Ủy ban nhân dân xã P để làm hợp đồng chuyển nhượng, được phòng nông nghiệp địa chính huyện K chấp nhận hồ sơ chuyển nhượng. Do giữa ông L và ông C xảy ra mâu thuẫn nên việc chuyển nhượng đất chưa được hoàn tất. Kể từ năm 2002 bà sử dụng và canh tác trên thửa đất và đóng thuế cho Nhà nước. Năm 2006 bà và ông C ly hôn diện tích đất này ông C giao cho bà, đến năm 2012 bà P chuyển nhượng lô đất trên cho ông Đỗ Đình H1, bà Trương Thị Mỹ T2 với giá 280.000.000 đồng. Đến năm 2015 bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện ra Tòa án tranh chấp quyền sử dụng lô đất này, nên vợ chồng ông H1, bà T2 thấy vậy không nhận chuyển nhượng nữa và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà với ông H1, bà T2. Tại bản án số 38/2017/DSST ngày 15/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng thì vợ chồng ông H1, bà T2 phải trả lại diện tích đất trên cho bà và bà đã trả lại số tiền 300.000.000 đồng cho ông H1, bà T2 nhưng từ năm 2017 đến nay lô đất này đã bị ông L, bà L1 chiếm đoạt sử dụng.

Nay ông L, bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng đất được ký kết giữa ông Lê Đắc L với ông Lê Văn C và bà vô hiệu, buộc bà phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.590 m^2 và sản lượng cà phê từ năm 2002 đến năm 2016 là 45.000kg cà phê quả tươi thì bà không đồng ý.

- Tại bản tự khai ngày 08/11/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đình H1 và bà Trương Thị Mỹ T2 trình bày:

Vào ngày 26/12/2012 vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị Thanh P (Trú tại thôn, xã P, huyện K) 01 lô đất diện tích 4.590 m^2 tại thôn X, xã P, huyện K với giá 280.000.000đ *(Hai trăm tám mươi triệu đồng)*, ông bà đã thanh T2 đủ tiền cho bà P. Bà P đã giao đất và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Đắc L cho ông bà. Khi chuyển nhượng thì hai bên chỉ viết giấy tờ bán đất bằng tay, chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Ông, bà nhận đất canh tác, sử dụng trên diện tích đất này từ năm 2012. Đến ngày 15/12/2017 Tòa án tuyên xử hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông, bà và bà Phan Thị Thanh P vô hiệu thì ông, bà đã trả lại diện tích đất trên cho bà Phan Thị Thanh P và bà P cũng đã trả lại 300.000.000 đồng *(Ba trăm triệu đồng)* cho ông, bà. Hiện nay ông Lê Đắc L và Nguyễn Thị L1 khởi kiện là yêu cầu Tòa án Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Lê Đắc L với ông Lê Văn C và bà Phan Thị Thanh P vô hiệu và buộc bà Phan Thị Thanh P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04 đối với diện tích 4.590 m^2 tại thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, thì không liên quan đến vợ chồng ông bà. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị A trình bày:

Cụ Trần Thị A thừa nhận năm 1991 đã cho vợ chồng ông L, bà L1 lô đất có diện tích 4.590 m^2 để canh tác, sử dụng. Hiện đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ Lê Đắc L. Năm 2002 Lê Đắc L tự ý mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp vay tiền của bà Phan Thị Thanh P. Nay bà P không trả lại đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông L, bà L1 khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đắc L với ông Lê Văn C và bà Phan Thị Thanh P vô hiệu, buộc bà P phải trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.590 m^2 và sản lượng cà phê từ năm 2002 đến năm 2016 là 45.000kg cà phê quả tươi cụ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L, bà L1.

Sau khi thụ lý vụ án, tại đơn khởi kiện ông L và bà L1 xác định UBND xã P là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên Tòa án sơ thẩm đã tống đạt thông báo tham gia tố tụng. Tuy nhiên,Ủy ban nhân dân xã P cho rằng không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và có văn bản từ chối tham gia tố tụng.

Tại bản án số:34/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 158; khoản 1 Điều 165, 166; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 117, 129 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 75 Luật đất đai năm 1993; Điều 27, Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 về việc: "Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 với ông Lê Văn C, bà Phan Thị Thanh P lập ngày 16/12/2002 và đòi bà Phan Thị Thanh P phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826, do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 30/12/1999".

Bác yêu cầu của ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 đòi bà Phan Thị Thanh P, bồi thường sản lượng cà phê quả tươi từ năm 2002 đến năm 2016 là 45.000 kg.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 /8/2019, nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị A kháng cáo bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông Lê Đắc L với ông Lê Văn C và bà Phan Thị Thanh P vô hiệu, buộc bà Phan Thị Thanh P trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 4.590 m^2 đất thửa đất số 118, tờ bản đồ số 04 và ông bà yêu cầu bà Phan Thị Thanh P trả sản lượng cà phê cho vợ chồng ông bà từ năm 2002 đến năm 2016 là 14 năm, với tổng sản lượng là 45.000 kg cà phê quả tươi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn trình bày:

Về nội dung của Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa các bên: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lê Đắc L được UBND huyện K cấp vào năm 1999 đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 4; diện tích 4.590 m^2, lúc này hộ gia đình ông L có 7 thành viên, đây là tài sản chung của hộ gia đình. Việc chuyển nhượng đất xác lập ngày 16/12/2002 việc chuyển nhượng không thể hiện sự đồng ý của bà L1.

Xét về hình thức của hợp đồng: Trong hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 16/12/2002, phần chữ ký, chữ viết bên chuyển nhượng qua giám định không phải chữ ký, chữ viết của bà L1, việc chứng thực hợp đồng chuyển nhượng không đúng quy định, thời điểm chuyển nhượng năm 2002 các con của ông L đều dưới 15 tuổi, nhưng trong hợp đồng không thể hiện người đại diện. Nên hợp đồng vi phạm cả nội dung, hình thức của hợp đồng và điều kiện chuyển nhượng theo Điều 706 BLDS 1995, Điều 75 Luật đất đại 1993. Do vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/12/2002 vô hiệu, lỗi hoàn toàn thuộc về bà P, nên không phát sinh nghĩa vụ bồi thường, bà P chiếm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Đắc L nên buộc bà P phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826 cho ông L, bà L1.

Xét yêu cầu đòi bồi thường 45.000 kg cà phê quả tươi của nguyên đơn, do hợp đồng chuyển nhượng đất vi phạm nghiêm trọng, bị vô hiệu mà bà P chiếm giữ tài sản không có căn cứ buộc bà P phải trả sản lượng cà phê quả tươi từ năm 2002 đến 2016 là 45.000 kg.

Căn cứ Điều 23, Điều 116, 118, 137 và Điều 706 Bộ luật dân sự năm 1995; khoản 2 Điều 64; khoản 1 Điều 166, Điều 581 Bộ luật dân sự 2015; Điều 75, 95 Luật đất đai năm 1993; Điều 27, 28 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, đề nghị Hội đồng xét xử :

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập ngày 16/12/2002 là vô hiệu.

+ Buộc bà Phan Thị Thanh P phải trả cho ông Lê Đắc L và bà Nguyễn Thị L1 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826 và 45.000 kg cà phê quả tươi.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và cụ Trần Thị A không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có chứng cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và cụ Trần Thị A. Đề nghị áp dụng Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và cụ Trần Thị A.

- Giữ nguyên bản án *dân sự sơ thẩm số:* 34/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Trần Thị A làm trong hạn luật định. Người kháng cáo ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và cụ Trần Thị A là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và cụ Trần Thị A Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 với ông Lê Văn C, bà Phan Thị Thanh P.

Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn kháng cáo ông L, bà L1 và cụ A cho rằng ông L đã mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình thế chấp vay tiền của bà P 15.000.000 đồng nhưng ông L, bà L1 và cụ A không xuất trình được chứng cứ để chứng minh việc ông L thế chấp tài sản để vay tiền của bà P. Ông L, bà L1 thừa nhận việc ông L đã nhận của bà P số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16/12/2002 giữa ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 với ông Lê Văn C, bà Phan Thị Thanh P thể hiện nội dung ông L chuyển nhượng diện tích đất 4.590m^2, tại thửa số 118, tờ bản đồ số 04; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826 có đầy đủ chữ ký của các bên. Ngày 19/12/2002 Ủy ban nhân dân xã P xác nhận việc chuyển nhượng. Ngày 31/12/2002 Phòng nông nghiệp địa chính huyện K xác nhận kết quả thẩm tra đất đủ điều kiện chuyển nhượng. Bà P đã giao đủ tiền cho ông L. Ông L đã giao đất cho ông C, bà P quản lý và sử dụng từ năm 2002 là phù hợp với nội dung và hình thức của Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo luật đất đai năm 1993. Sau khi nhận chuyển nhượng gia đình bà P đã nhận đất sử dụng, canh tác, thu hoạch sản phẩm trên đất và đóng các khoản thuế cho Nhà nước (từ năm 2002 cho đến năm 2012 sang nhượng lại cho vợ chồng ông Đỗ Đình H1 canh tác và sử dụng đến năm 2016). Qua xác minh UBND xã Phú Xuân cung cấp, trong thời gian từ năm 2002 đến 2016 gia đình ông L, bà L1 không có khiếu nại hay yêu cầu giải quyết tranh chấp diện tích đất này.

Về nguồn gốc đất: Ông L, bà L1 được cụ Trần Thị A cho vợ chồng thửa đất này từ năm 1991, thời điểm đó đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1999 được Ủy ban nhân dân huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Lê Đắc L. Tại thời điểm chuyển nhượng năm 2002 các con của ông L, bà L1 đang còn nhỏ (con lớn nhất

sinh năm 1993 mới 09 tuổi) nên không có công sức đóng góp gì vào thửa đất này. Theo quy định tại Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995, các con của ông L, bà L1 không có quyền trong việc định đoạt tài sản này.

Ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong hợp đồng được ký kết vào ngày 16/12/2002. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 80/PC54, ngày 31/12/2016 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết có nội dung "Lê Đắc L" dưới mục "Chồng - Bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất" là do ông L viết ra, nên việc ông L cho rằng hợp đồng này là giả mạo là không có cơ sở, còn chữ ký, chữ viết "Nguyễn Thị L1" không phải do bà L1 ký và viết ra. Bà L1 biết việc bà P quản lý sử dụng trên mảnh đất này, nhưng không yêu cầu bà P trả lại đất hoặc khiếu nại giải quyết tranh chấp diện tích đất này. Hơn nữa, diện tích đất tranh chấp liền kề với căn nhà mà hiện nay gia đình cụ Trần Thị A (mẹ ông L), ông L, bà L1 đang sinh sống mọi người đều biết diện tích đất cà phê của gia đình do bà P quản lý, sử dụng nhưng không có ý kiến phản đối về việc sử dụng và khai thác tài sản trên đất, thì mặc nhiên được coi là đồng ý. Như vậy, có đủ căn cứ xác định việc ông L đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông C, bà P là phù hợp quy định tại điểm b2, mục 2 nghị quyết 02/2004/NQ- HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.2] Về yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826 và đòi bồi thường thiệt hại 45.000 kg cà phê quả tươi: Do yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 với ông Lê Văn C, bà Phan Thị Thanh P không được chấp nhận. Nên việc ông L, bà L1 yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826 và đòi bồi thường thiệt hại 45.000 kg cà phê quả tươi là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên Hội đồng xét xử xét thấy, án sơ thẩm xét xử là có căn cứ đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Lê Thị L1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Trần Thị A - Cần giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận kháng cáo nên ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và bà Trần Thị A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm tuy nhiên ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 và bà Trần Thị A là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 117, Điều 129 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 75 Luật đất đai năm 1993; Điều 27, Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[2] Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Lê Đắc L, bà Lê Thị L1 và cụ Trần Thị A.

Giữ nguyên bản án *dân sự sơ thẩm số:* 34/2019/DS-ST ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[2. 1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 về việc: "Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 với ông Lê Văn C, bà Phan Thị Thanh P lập ngày 16/12/2002 và đòi bà Phan Thị Thanh P phải trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 148826, do Ủy ban nhân dân huyện Krông Năng cấp ngày 30/12/1999".

Bác yêu cầu của ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 đòi bà Phan Thị Thanh P, bồi thường sản lượng cà phê quả tươi từ năm 2002 đến năm 2016 là 45.000 kg.

[2. 2] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1 phải chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 2.100.000 đồng *(Hai triệu một trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ trong số tiền đã nộp.

Buộc bà Phan Thị Thanh P phải chịu chi phí định giá lại tài sản là 3.020.000 đồng *(Ba triệu không trăm hai mươi ngàn đồng)*, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí:

Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Đắc L và bà Nguyễn Thị L1 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Đắc L, bà Nguyễn Thị L1, bà Trần Thị A được miễn án toàn bộ tiền phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết